

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Số học:

1. Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu
2. Biểu đồ cột kép
3. Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản
4. Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản
5. Phân số với tử và mẫu là số nguyên
6. So sánh các phân số, hỗn số dương

II. Hình học:

1. Điểm, đường thẳng
2. Hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song
3. Đoạn thẳng

B. CÁC DẠNG BÀI TẬP

- Trắc nghiệm: trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Tự luận:
 - Dạng 1. Một số yếu tố thống kê và xác suất
 - Dạng 2. Phân số
 - Dạng 3. Hình học nâng cao
 - Dạng 4. Hình học

C. BÀI TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong hai phân số có cùng mẫu dương, phân số có tử lớn hơn thì:

- A. Lớn hơn
B. Bằng nhau
C. Nhỏ hơn
D. Không so sánh được

Câu 2. Tung một đồng xu 22 lần liên tiếp có 13 lần xuất hiện mặt N . Số lần xuất hiện mặt S là:

- A. 13 B. 9 C. $\frac{9}{22}$ D. $\frac{13}{22}$

Câu 3. Tung một đồng xu 30 lần liên tiếp có 14 lần xuất hiện mặt N . Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

- A. $\frac{7}{8}$ B. $\frac{7}{15}$ C. $\frac{8}{15}$ D. $\frac{14}{30}$

Câu 4. Trong một trò chơi, Xuân được chọn làm người may mắn để rút thăm trúng thưởng. Gồm 4 loại thăm: hai hộp bút màu, hai bức tranh, một đôi giày và một cái bàn. Xuân rất thích phần thưởng là đôi giày. Hỏi có chắc chắn Xuân rút thăm trúng phần thưởng đôi giày hay không?

- A. Chắc chắn
B. Rất chắc chắn
C. Không trùng thưởng
D. Không chắc chắn

Câu 5. Bạn Đức gieo 8 lần một đồng xu có 2 mặt Sấp (S), Ngửa (N) đồng thời quan sát và ghi nhận lại kết quả trong bảng dưới đây:

Lần gieo	1	2	3	4	5	6	7	8
Xuất hiện mặt	S	S	N	S	N	S	N	S

Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

- A. $\frac{5}{8}$ B. $\frac{5}{3}$ C. 5 D. $\frac{3}{5}$

Câu 6. Biểu đồ sau đây cho biết số cây xanh trồng được của các lớp 6 trong một trường THCS nhân dịp Tết trồng cây.

a) Số cây trồng được của lớp 6A1 là:

- A. 4 B. 40
C. 20 D. 10

b) Lớp trồng được nhiều nhất là lớp:

- A. 6A1 B. 6A2
C. 6A3 D. 6A4

6A1	   
6A2	  
6A3	    
6A4	 
 : 10 cây	

Câu 7. Tìm số nguyên x biết $\frac{35}{15} = \frac{x}{3}$.

- A. $x = 7$ B. $x = 5$ C. $x = 15$ D. $x = 6$

Câu 8. Phân số nào dưới đây bằng với phân số $-\frac{2}{5}$?

- A. $\frac{4}{10}$ B. $-\frac{6}{15}$ C. $\frac{6}{15}$ D. $-\frac{4}{-10}$

Câu 9. Số x thỏa mãn $\frac{x}{5} > \frac{9}{15}$ là :

- A. $x > 3$ B. $x > 5$ C. $x > 9$ D. $x > 15$

Câu 10. So sánh $a = \frac{2}{3}$ và $b = \frac{5}{3}$ ta có kết quả :

- A. $a > b$ B. $a \geq b$ C. $a < b$ D. $a = b$

Câu 11. Số x thỏa mãn $\frac{x}{3} = 1\frac{2}{3}$ là :

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 12. Số đối của $-\frac{7}{8}$ là :

- A. $\frac{8}{7}$ B. $\frac{7}{8}$ C. $\frac{7}{-8}$ D. $-\frac{8}{7}$

Câu 13. Kết quả của phép cộng $\frac{1}{2} + \frac{-2}{3}$ là :

- A. $-\frac{1}{5}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $-\frac{1}{6}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 14. Số x thỏa mãn $\frac{2}{3} + x = \frac{7}{3}$ là số :

- A. 3 B. -3 C. $\frac{5}{3}$ D. $-\frac{4}{3}$

Câu 15. Điểm A không thuộc đường thẳng d được kí hiệu là:

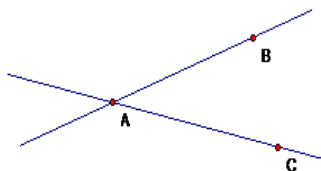
- A. $d \in A$ B. $A \in d$ C. $A \notin d$ D. $A \subset d$

Câu 16. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. Vô số đường thẳng

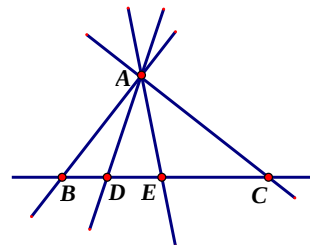
Câu 17. Cho hình vẽ bên, ta có hai đường thẳng AB và AC:

- A. Cắt nhau
- B. Song song với nhau
- C. Trùng nhau
- D. Có hai điểm chung



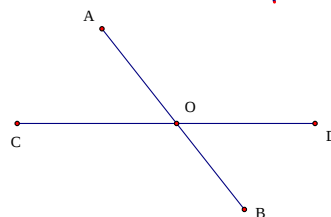
Câu 18. Có bao nhiêu đường thẳng trong hình vẽ sau?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5



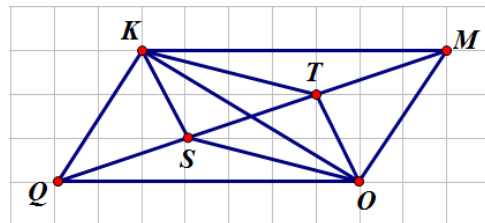
Câu 19. Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?

- A. 2
- B. 4
- C. 6
- D. 5



Câu 20. Cho hình vẽ bên. Có bao nhiêu cặp đường thẳng song song?

- A. 4
- B. 3
- C. 5
- D. 6



II. TỰ LUẬN

Dạng 1. Một số yếu tố thống kê và xác suất

Bài 1. Thời gian làm một bài tập Toán (tính bằng phút) của 20 học sinh lớp 6A được ghi lại trong bảng sau:

10	5	8	8	9	7	8	9	14	8
5	7	8	10	9	8	10	7	14	8

Hãy lập bảng số liệu theo mẫu sau:

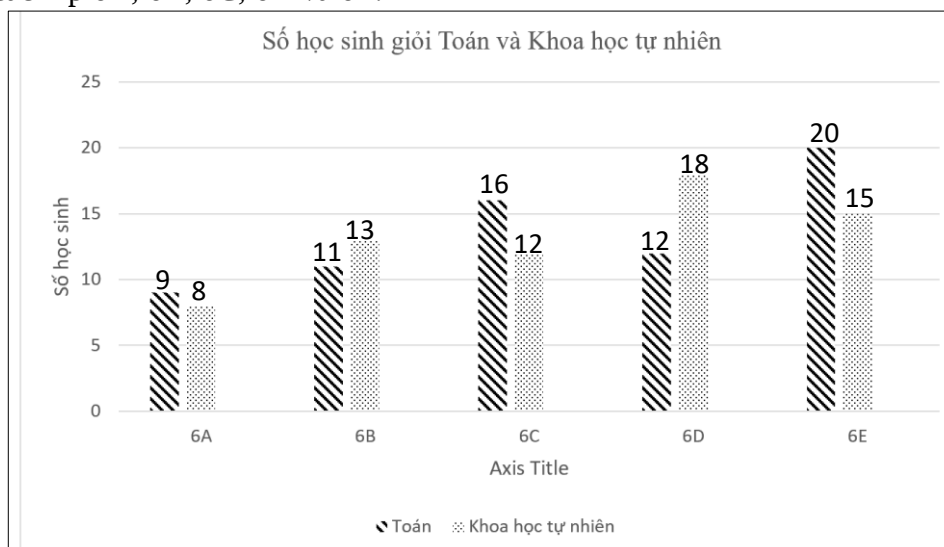
Thời gian (phút)	5	7	8	9	10	14
Số học sinh						

Bài 2. Bạn Cúc muốn điều tra về các môn thể thao được yêu thích của các bạn trong lớp. Mỗi bạn chỉ nêu một môn thể thao yêu thích nhất và không có ai không tham gia trả lời phiếu điều tra của bạn Cúc.

Môn thể thao	Kiểm đếm
Bóng đá	
Cầu lông	
Bóng chuyền	
Đá cầu	
Bóng bàn	
Bóng rổ	
: 5 người : 1 người	

- Nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê mà bạn Cúc quan tâm?
- Môn thể thao nào được các bạn trong lớp của Cúc yêu thích nhất?
- Có bao nhiêu học sinh trong lớp của bạn Cúc?
- Có bao nhiêu bạn thích bóng đá hơn bóng chuyền?

Bài 3. Biểu đồ cột kép dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Khoa học tự nhiên (KHTN) của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E.



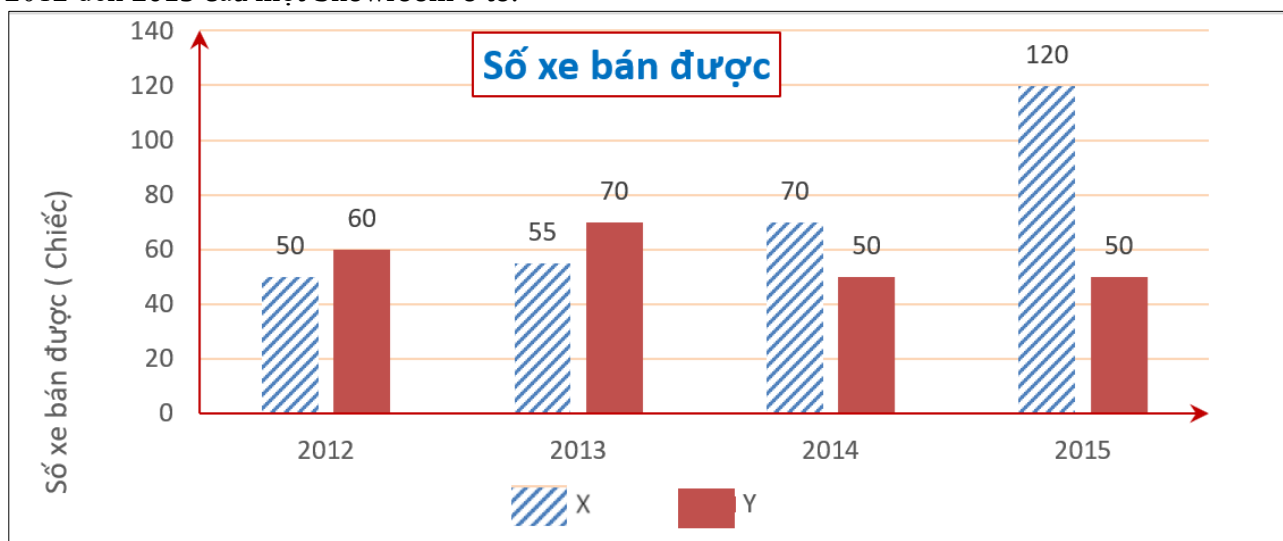
Dựa vào biểu đồ trên em hãy cho biết:

- Đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?
- Lập bảng theo mẫu:
- Tính tổng số học sinh giỏi Toán của 5 lớp 6A, 6B, 6C, 6D, 6E?

Lớp	6A	6B	6C	6D	6E
Số học sinh giỏi Toán					
Số học sinh giỏi KHTN					

- Tính tỉ số giữa số học sinh giỏi KHTN của lớp 6C và số học sinh giỏi KHTN lớp 6E?

Bài 4. Biểu đồ cột kép sau đây biểu diễn số xe ô tô bán được của mẫu xe X và Y trong các năm từ 2012 đến 2015 của một Showroom ô tô.



- Năm nào mẫu xe X bán được nhiều nhất?
- Những năm nào mẫu xe X bán được nhiều hơn mẫu xe Y? Trong các năm đó mẫu xe X bán được nhiều hơn mẫu xe Y là bao nhiêu?
- Tính tổng lượng xe của mẫu xe X bán được trong 4 năm?
- Tính tổng lượng xe của mẫu xe Y bán được trong 4 năm?

Bài 5. Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6.

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	★ ★ ★
Chuối	★ ★ ★ ★ ★
Dưa hấu	★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
Cam	★ ★ ★ ★ ★
Bưởi	★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
★ : 10 học sinh. ★ : 5 học sinh	

Hãy đọc biểu đồ trên và trả lời các câu hỏi sau:

- Loại quả nào được học sinh khối lớp 6 yêu thích nhiều nhất?
- Loại quả nào được học sinh khối lớp 6 yêu thích ít nhất?
- Em hãy đọc số lượng học sinh yêu thích đối với từng loại quả.

Bài 6. Một hộp có 4 chiếc kẹo, trong đó có một chiếc kẹo màu hồng, một chiếc kẹo màu xanh, 1 chiếc kẹo màu cam. Các chiếc kẹo có kích thước như nhau. Lấy ngẫu nhiên một chiếc kẹo trong hộp.

- Nêu những kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc kẹo được lấy ra.
- Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc kẹo được lấy ra.
- Nêu hai điều cần chú ý trong mô hình xác suất của trò chơi trên.

Bài 7. Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng và một quả bóng tím, các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần bạn Minh lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp, ghi lại màu của quả bóng lấy ra rồi bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Nếu bạn Minh lấy bóng 20 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện màu vàng thì xác suất thực nghiệm xuất hiện màu vàng bằng bao nhiêu?

Bài 8. Gieo một xúc xắc 10 lần liên tiếp, bạn Cường có kết quả thống kê như sau:

Lần gieo	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Kết quả	Mặt 2 chấm	Mặt 1 chấm	Mặt 6 chấm	Mặt 4 chấm	Mặt 4 chấm	Mặt 5 chấm	Mặt 3 chấm	Mặt 5 chấm	Mặt 1 chấm	Mặt 1 chấm

Hãy kiểm tra số lần xuất hiện mặt 1 chấm và số lần xuất hiện mặt 6 chấm sau 10 lần gieo.

- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm?
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm?

Dạng 2. Phân số

Bài 9. Rút gọn phân số sau về phân số tối giản:

- $\frac{11}{-143}$
- $\frac{-270}{450}$
- $\frac{-26}{-156}$
- $\frac{-151515}{-353535}$

Bài 10. Tìm số nguyên x biết:

- $\frac{x}{5} = \frac{2}{10}$
- $\frac{x}{-3} = \frac{-5}{15}$
- $\frac{x-1}{9} = \frac{-1}{3}$
- $\frac{x}{4} = \frac{1}{x}$

Bài 11. Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần:

- $\frac{3}{4}; \frac{-3}{12}; \frac{-2}{3}; \frac{-1}{-6}$
- $-\frac{1}{2}; 0; \frac{3}{10}; 1; \frac{-2}{-5}; \frac{3}{-4}$

Bài 12. Quy đồng các phân số sau:

- $\frac{4}{5}; \frac{8}{15}; \frac{-3}{2}$
- $2; \frac{-10}{5}; \frac{7}{-9}$

Dạng 3. Bài tập nâng cao

Bài 13*. Chứng minh rằng: $S = \frac{1}{5} + \frac{1}{13} + \frac{1}{14} + \frac{1}{15} + \frac{1}{61} + \frac{1}{62} + \frac{1}{63} < \frac{1}{2}$

a) $\frac{n+1}{2n+3}$ b) $\frac{2n+3}{4n+8}$.

a) $\frac{12}{3n-1}$ b) $\frac{2n+5}{n-3}$

Bài 16. Vẽ hình theo mô tả sau:

b) Vẽ điểm D không thuộc đường thẳng m. Vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm D và E.

a) Vẽ đường thẳng d đi qua điểm A .

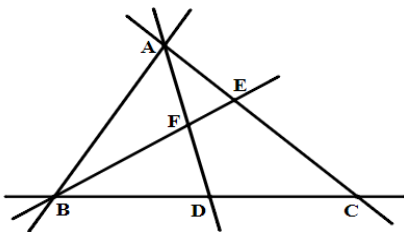
c) Lấy điểm M không thuộc đường thẳng d .

Bài 18. Cho hình vẽ dưới đây:

b) Điểm F nằm giữa hai điểm nào?

c) Hai điểm nào nằm cùng phía với điểm E?

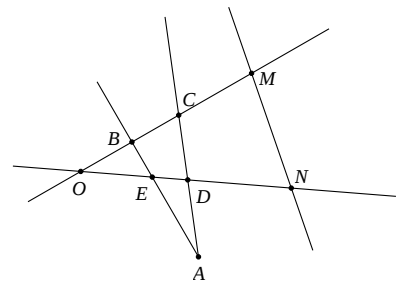
d) Hai điểm nào nằm khác phía với điểm D?



a) Kể tên các bộ 3 điểm thẳng hàng có trong hình

b) Kể tên các điểm cùng phía đối với điểm C

c) Kể tên các điểm khác phía đối với điểm D

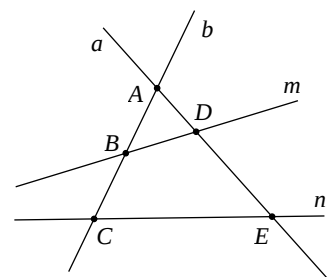


a) Có bao nhiêu đường thẳng đi qua điểm A? Đó là những đường thẳng nào?

b) Nêu một tên khác của đường thẳng m

c) Hai đường thẳng m và n có song song với nhau không? Vì sao?

d) Điểm B nằm giữa hai điểm nào? Điểm D nằm giữa hai điểm nào?



BGH kí duyệt

Tổ, nhóm chuyên môn

Người lập

Kiều Thị Tâm

Nguyễn Thị Thúy

Đào Thi Thu Huyền